TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 3 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Hoàng Tha**.

2. Ông **Nguyễn Thanh Rực**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trà Thị Thanh X**, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Sơn Thành Đ**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trà Thị Thanh X trình bày:***

Vào ngày 04/4/2012, bà Trà Thị Thanh X và ông Sơn Thành Đ tự nguyện chung sống cùng nhau, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57/2012, quyển số 02/2011 ngày 04/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng bà X ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân cho đến nay. Bà X xác định vợ chồng chung sống có một người con chung tên

Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013 hiện đang do bà X nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung bà X xác định không có.

Nay Bà Trà Thị Thanh X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Trà Thị Thanh X yêu cầu được ly hôn với ông Sơn Thành Đ.

- Về con chung: Bà Trà Thị Thanh X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Sơn Bảo Đ1 đến khi thành niên và không yêu cầu Sơn Thành Đ phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Trà Thị Thanh X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trà Thị Thanh X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Trà Thị Thanh X đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân mang tên Trà Thị Thanh X (bản sao);

+ Thông báo số định danh (bản sao);

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2012, quyển số 02/2011 ngày 04/4/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp;

+ Giấy khai sinh mang tên Sơn Bảo Đ1 (chứng thực);

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Sơn Thành Đ và được ông Sơn Thành Đ nhận trực tiếp và người thân là cha, mẹ ruột (ông Sơn Thành Đ2, bà Sơn Thị H), ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Sơn Thành Đ không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013. Theo đó, cháu Sơn Bảo Đ1 đã đưa ra nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trà Thị Thanh X vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Sơn Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Trà Thị Thanh X và ông Sơn Thành Đ không còn, mục đích hôn nhân không Đ được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trà Thị Thanh X cho vợ chồng bà Trà Thị Thanh X ông Sơn Thành Đ ly hôn. Về con chung giao cho bà Trà Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng và ông Sơn Thành Đ không phải phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Trà Thị Thanh X xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Trà Thị Thanh X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/12/2022, bà Trà Thị Thanh X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Sơn Thành Đ có nơi cư trú tại ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Sơn Thành Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Trà Thị Thanh X về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 04/4/2012, bà Trà Thị Thanh X và ông Sơn Thành Đ tự nguyện chung sống cùng nhau, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57/2012, quyển số 02/2011 ngày 04/4/2012. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010 cũng như Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trà Thị Thanh X và ông Sơn Thành Đ là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Trà Thị Thanh X: Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên gia đình bà Trà Thị Thanh X đến năm 2020. Sau khi phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân thì ông Đ về sống bên gia đình cha mẹ ruột cùng địa chỉ ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay. Bà Trà Thị Thanh X xác định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng do mâu thuẫn đã quá trầm trọng và hôn nhân không thể tiếp tục. Ông Sơn Thành Đ không còn quan tâm đến vợ con cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Sơn Thành Đ nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Sơn Thành Đ không có ý

kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Trà Thị Thanh X đã xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng bà Trà Thị Thanh X phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà Trà Thị Thanh X đã không thể hàn gắn được mâu thuẫn và hiện tại không còn liên lạc gì với ông Sơn Thành Đ nữa. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Trà Thị Thanh X ông Sơn Thành Đ hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Sơn Thành Đ đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho ông Sơn Thành Đ không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Trà Thị Thanh X. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Thanh X cho bà Trà Thị Thanh X được ly hôn với cho ông Sơn Thành Đ.

[3.3] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định "Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2012, quyển số 02/2011 ngày 04/4/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp của bà Trà Thị Thanh X và ông Sơn Thành Đ sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về con chung: Bà Trà Thị Thanh X xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Trà Thị Thanh X và ông Sơn Thành Đ có một người con chung tên Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013. Hiện nay con chung do bà Trà Thị Thanh X đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013 thể hiện là con chung của bà Trà Thị Thanh X, ông Sơn Thành Đ.

[3.5] Xét ý kiến của bà Trà Thị Thanh X về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay con chung Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013 đang được bà Trà Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Sơn Thành Đ cũng không có ý kiến gì hoặc có tranh chấp đối với việc nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013 cho bà Trà Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trà Thị Thanh X xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Sơn Thành Đ phải cấp dưỡng cho con chung và không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.7] Bên cạnh đó ông Sơn Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Trà Thị Thanh X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trà Thị Thanh X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Trà Thị Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Trà Thị Thanh X có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Sơn Thành Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Thanh X.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Thanh X được ly hôn với ông Sơn Thành Đ. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trà Thị Thanh X ông Sơn Thành Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2012, quyển số 02/2011 ngày 04/4/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp sẽ chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Sơn Bảo Đ1, sinh ngày 16/4/2013 (hiện nay con chung đang sống với bà Trà Thị Thanh X) cho bà Trà Thị Thanh X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Sơn Thành Đ không phải cấp dưỡng cho con. Ông Sơn Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Trà Thị Thanh X cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Sơn Thành Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Trà Thị Thanh X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trà Thị Thanh X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trà Thị Thanh X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005977, ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Trà Thị Thanh X đã thực hiện xong). Ông Sơn Thành Đ không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Trà Thị Thanh X có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Sơn Thành Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND TT Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc